

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 5- 2021

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Thắng
2. Ông Thái Văn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân An - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại Hội trường xét xử số 02, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 30/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 về “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lô Văn D; địa chỉ: A, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Phan Thị Ngọc T; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/11/2020, anh Lô Văn D trình bày:

Anh Lô Văn D và chị Phan Thị Ngọc T kết hôn với nhau vào ngày 25/3/2016 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị. Sau khi kết hôn được 01 năm, cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, không hòa hợp nên vợ chồng sống ly thân. Đến tháng 3 năm 2017 chị T đi xuất khẩu lao động tại Nhật

Bản cho đến nay không về. Anh D và chị T có liên lạc với nhau qua mạng xã hội về việc ly hôn nhưng chị T không về và cũng không cho biết địa chỉ cụ thể ở Nhật Bản.

Vì những lý do đó nên anh Lô Văn D làm đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phan Thị Ngọc T.

Về con chung: Anh D, chị T không có con chung.

Về tài sản chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Phan Thị Ngọc T:

Mặc dù đã gửi thông báo thụ lý vụ án và tổng đạt các văn bản tố tụng thông qua người thân (là bố, mẹ chị T) theo đúng quy định của pháp luật, nhưng chị Phan Thị Ngọc T vắng mặt, vẫn không có ý kiến hay văn bản phản hồi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Công văn 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho anh Lô Văn D được ly hôn với chị Phan Thị Ngọc T.

Về con chung, tài sản chung: Không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Anh Lô Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Anh Lô Văn D có đơn khởi kiện đề nghị xin ly hôn với chị Phan Thị Ngọc T. Theo Công văn số 1209/PA08(Đ1) ngày 10/12/2020 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Quảng Trị xác nhận: Chị T đã xuất cảnh ra nước ngoài lần gần nhất vào ngày 09/5/2019 qua sân bay quốc tế Đà Nẵng, cho đến nay vẫn chưa nhập cảnh về lại Việt Nam. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị giải quyết việc ly hôn của anh D, chị T là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục hòa giải:

Do chị T ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể Tòa án đã có thông báo số 52/TB-TA ngày 25/3/2021 tổng đạt cho bố, mẹ chị T về kế hoạch giải quyết vụ án và ấn định ngày hòa giải lần 1, lần 2, xét xử lần 1, xét xử lần 2. Trong đó, hòa giải lần 1 vào ngày 08/4/2021, hòa giải lần 2 vào ngày 23/4/2021 nhưng chị T đã vắng mặt nên thuộc

trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Anh Lô Văn D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Trong thời kỳ hôn nhân do anh D là bộ đội thuộc Sư đoàn 968 đóng quân tại tỉnh Quảng Trị nên chị T vẫn ở với bố mẹ tại thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng. Sau khi chị T đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài vào năm 2017, qua phương tiện Internet, anh D và chị T có liên hệ với nhau, nhưng chị T không cho anh D biết địa chỉ cụ thể mà chị T đang ở tại Nhật Bản. Anh D chỉ cung cấp cho Tòa án địa chỉ cuối cùng trước khi chị T xuất cảnh ra nước ngoài là ở Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã làm việc, xác minh tại nhà bố, mẹ đẻ của chị T tại địa chỉ thôn P, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng. Lần thứ nhất vào ngày 05/02/2021 làm việc với bà Trương Thị M (mẹ đẻ chị T) và lần thứ hai vào ngày 06/4/2021 làm việc với ông Phan Công Đ (bố đẻ chị T). Cả 02 lần làm việc ở trên, ông Đ và bà M đều xác nhận từ ngày chị T đi xuất khẩu lao động họ thường xuyên liên lạc với chị T nhưng họ từ chối cung cấp địa chỉ, tin tức của chị T cho Tòa án. Tại các biên bản xác minh, ông Đ, bà M đều cam kết sẽ thông tin các văn bản tổng đạt của Tòa án cho chị T. Tòa án đã tổng đạt trực tiếp cho ông Đ, bà M quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập xét xử lần 1 vào ngày 10/5/2021 và giấy triệu tập xét xử lần 2 vào ngày 25/5/2021, nhưng chị Phan Thị Ngọc T vắng mặt không có lý do.

Vì vậy, căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Lô Văn D, chị Phan Thị Ngọc T theo quy định.

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Lô Văn D và chị Phan Thị Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 25/3/2016. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[5] Thời gian đầu sau khi kết hôn, anh D và chị T sống với nhau hạnh phúc. Được một thời gian thì mối quan hệ giữa hai người ngày càng xa cách và có nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết nên anh D và chị T đã ly thân. Từ năm 2017 đến nay, chị T có trở về Việt Nam một lần nhưng anh D và chị T không gặp gỡ để hàn gắn cũng như tìm tiếng nói chung trong cuộc sống. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh D xin được ly hôn chị T là hoàn toàn chính đáng, có cơ sở. Do đó, áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lô Văn D như quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[6] Về con chung và tài sản chung:

- Anh Lô Văn D và chị Phan Thị Ngọc T chưa có con chung.

- Về tài sản chung: Anh Lô Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Anh Lô Văn D là nguyên đơn và có yêu cầu nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

.Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 207; khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lô Văn D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lô Văn D được ly hôn chị Phan Thị Ngọc T.

2. Về án phí: Anh Lô Văn D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 000791 ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

3. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Anh Lô Văn D được kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết. Chị Phan Thị Ngọc T được kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bố, mẹ chị T nhận được bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Đương sự;
- Lưu: HS, tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Anh Dũng